

THÀNH PHẦN LOÀI THỰC VẬT ĐƯỢC SỬ DỤNG LÀM THỨC ĂN CỦA CỘNG ĐỒNG CHƠ RO TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN - VĂN HÓA ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Văn Hợp

Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về thành phần loài thực vật làm thức ăn, được sử dụng theo kinh nghiệm của cộng đồng Chợ Ro tại Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai (KBT TN - VH Đồng Nai). Bằng phương pháp phỏng vấn kết hợp với điều tra thực địa với sự chỉ dẫn của những người có kinh nghiệm thu hái, sử dụng thực vật làm thức ăn. Theo đó, chúng tôi đã ghi nhận được 110 loài thuộc 96 chi, 60 họ trong 3 ngành thực vật bậc cao có mạch là Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Có 11 dạng sống cùng tỷ lệ phân trăm cũng đã được xác định. Kết quả nghiên cứu cũng đã ghi nhận được 9 bộ phận của các loài thực vật ăn được. Quả là bộ phận được sử dụng nhiều nhất gồm 50 lượt loài, chiếm 34,01%; tiếp đến là bộ phận lá với 32 lượt loài, chiếm 21,77%, ít nhất là củ với 3 loài, chiếm 2,04%. Có 6 nhóm thực phẩm được người dân nơi đây sử dụng làm thức ăn. Đặc biệt, nghiên cứu đã ghi nhận bổ sung 31 loài mới làm thức ăn, một bộ phận mới là bộ phận củ và một số cách chế biến, thương thức món ăn mới được cộng đồng Chợ Ro sử dụng làm thức ăn. Kết quả nghiên cứu là những tư liệu có ý nghĩa “văn hóa - sinh thái” quan trọng và mở ra hướng nghiên cứu sâu hơn về giá trị tri thức bản địa của cộng đồng Chợ Ro tại khu vực nghiên cứu.

Từ khóa: Cây ăn được, cộng đồng Chợ Ro, kinh nghiệm, thành phần loài.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chợ Ro là một trong số 54 dân tộc ở Việt Nam chủ yếu sinh sống ở vùng đồi núi thấp phía Đông Nam tỉnh Đồng Nai với dân số khoảng 15.174 người, chiếm 56,5% tổng số người Chợ Ro ở nước ta. Xã Phú Lý thuộc KBT TN - VH Đồng Nai hiện có 136 hộ người Chợ Ro/2.931 hộ gia đình (chiếm 4,6%), 608 người Chợ Ro/13.712 người (chiếm 4,4%). Cộng đồng dân tộc Chợ Ro sinh sống và gắn bó với núi rừng thuộc KBT TN - VH Đồng Nai từ lâu đời. Sau mỗi mùa vụ, cộng đồng nơi đây thường xuyên vào rừng săn bắt thú, kiếm cá ngoài suối hay thu hái các loại lâm sản phụ như măng tre, rau rừng, mật ong... Trong đó các loài thực vật làm thực phẩm có một vị trí quan trọng trong nét văn hóa ẩm thực của người Chợ Ro. Kiến thức sử dụng các loài thực vật từ rừng làm thực phẩm của cộng đồng người dân tộc là sản phẩm kết tinh văn hóa và kinh nghiệm qua nhiều thế hệ gắn bó với rừng và thiên nhiên. Tuy nhiên, những kinh nghiệm ấy đang dần bị mai một theo thời gian bởi những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau (Trương Thị Bích Quân và cộng sự, 2013). Để góp phần tìm hiểu, phân tích thành

phân các loài thực vật làm thức ăn được cộng đồng Chợ Ro tại KBT TN - VH Đồng Nai sử dụng, chúng tôi tiến hành điều tra, thu thập mẫu và phân tích góp phần duy trì các loài thực vật có giá trị thiết thực này.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

(i) **Đối tượng nghiên cứu:** Các loài thực vật được cộng đồng Chợ Ro sử dụng làm thức ăn.

(ii) **Phạm vi nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện từ 10/2016 đến 5/2017 tại xã Phú Lý, KBT TN - VH Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

(i) **Phương pháp kế thừa:** Kế thừa những kinh nghiệm sử dụng thực vật làm thức ăn của cộng đồng Chợ Ro, các tài liệu liên quan đến đề tài, có chọn lọc và đánh giá.

(ii) **Phương pháp phỏng vấn:** Nghiên cứu sử dụng một số công cụ của phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (RRA), phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA) để thu thập thông tin về thành phần loài và kinh nghiệm sử dụng thực vật làm thức ăn của cộng đồng Chợ Ro tại KBT TN - VH Đồng Nai.

(iii) **Phương pháp điều tra thực địa:** Sau

khi khảo sát sơ bộ, chúng tôi đã tiến hành điều tra thực địa thu thập và chụp mẫu theo sự chỉ dẫn của những người có kinh nghiệm trong sử dụng thực vật làm thức ăn tại khu vực nghiên cứu.

Thu mẫu: Mẫu vật được thu thập theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007).

Xử lý mẫu: Các mẫu thu ngoài thực địa được cắt tỉa phù hợp sau đó được kẹp báo, ngâm trong dung dịch cồn 40⁰ - 45⁰. Mẫu được lấy ra khỏi cồn và được thay bằng kẹp tiêu bản để mang đi sấy khô.

(iv) Phương pháp xử lý số liệu:

Giám định tên loài: Bằng phương pháp hình thái so sánh, dựa vào các thông tin ghi chép ngoài thực địa, các đặc điểm hình thái thân, vỏ, thịt vỏ, lá, hoa, quả... từ đó so sánh với các khóa phân loại; các bản mô tả, hình vẽ đã có để xác định tên khoa học cho mẫu tiêu bản, các tài liệu được sử dụng để định loài gồm: Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam, Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Thực vật Việt Nam, Thực vật có ích Việt Nam, 1900 loài cây có ích.

Xử lý thông tin: Từ các thông tin phiếu điều tra được tập hợp thành bảng kết quả. Sau khi có kết quả từ việc xác định tên khoa học, các thông tin của cùng một loài sẽ được ghép lại. Bảng kết quả tổng hợp của mỗi đợt điều tra sẽ

được mang đi kiểm tra, đối chiếu và thu thập thông tin trong các đợt thực địa tiếp theo.

Chỉnh lý tên khoa học: Dựa vào tài liệu Danh lục các loài thực vật Việt Nam (2003 - 2005).

Danh lục các loài được sắp xếp theo hệ thống của Brummitt (1992).

Phân chia dạng sống theo tài liệu “Tên cây rừng Việt Nam” (Vụ KHCN, 2000).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thành phần loài thực vật làm thức ăn

Qua điều tra phỏng vấn kết hợp điều tra hiện trường dưới sự giám sát của những người giàu kinh nghiệm trong việc thu hái thực vật làm thức ăn tại KBT TN - VH Đồng Nai. Chúng tôi đã xác định được thành phần loài thực vật được cộng đồng Chơ Ro sử dụng làm thức ăn gồm 110 loài, 96 chi, 60 họ thuộc 3 ngành thực vật bậc cao có mạch là Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, ngành Dương xỉ gồm 3 loài, 3 chi thuộc 3 họ; ngành Thông gồm 4 loài, 3 chi thuộc 3 họ và ngành Ngọc lan gồm 103 loài, 90 chi thuộc 54 họ. Như vậy, có thể thấy điểm đặc biệt về thành phần loài thực vật được cộng đồng Chơ Ro sử dụng làm thức ăn đó là sự phân bố không đều ở các ngành. Chi tiết về thành phần loài thực vật làm thức ăn được trình bày ở bảng 01.

Bảng 01. Thành phần loài thực vật làm thức ăn theo kinh nghiệm của cộng đồng Chơ Ro

TT	Tên loài			Tên họ	Bộ phận sử dụng	Ghi chú
	Việt Nam	Tên Chơ Ro	Khoa học			
I						
Ngành Dương xỉ - Polypodiophyta						
1	Rau dớn	Rau dớn	<i>Diplazium esculentum</i> (Retz.) Sw	Athyriaceae	Ngon, lá non	Quan sát
2	Rau choại	Rau choại	<i>Stenochlaena palustris</i> (Burm. f.) Bedd.	Blechnaceae	Ngon, thân	Quan sát
3	Ráng đại	Pa da	<i>Pteridium aquilinum</i> (L.) Kuhn.	Pteridiaceae	Ngon, lá non	Phỏng vấn
II						
Ngành Thông – Pinophyta						
4	Thiên tuế	Thiên tuế	<i>Cycas rumphii</i> Miq.	Cycadaceae	Ngon non	Quan sát
5	Lá bép	La việp	<i>Gnetum gnemon</i> L	Gnetaceae	Lá, ngon	Quan sát
6	Dây gắm núi	Se khot	<i>Gnetum montanum</i> Markgr.	Gnetaceae	Quả	Mẫu vật
7	Thông Caribe	Thông	<i>Pinus caribaea</i> Morelet.	Pinaceae	Hạt	Mẫu vật

TT	Tên loài			Tên họ	Bộ phận sử dụng	Ghi chú
	Việt Nam	Tên Chơ Ro	Khoa học			
III	Ngành Ngọc lan – Magnoliophyta					
A	Lớp Ngọc lan – Magnoliopsida					
8	Rau dệu	Rau dệu	<i>Alternanthera sessilis</i> (L.) R.Br. Ex Roem. Et Schult	Amaranthaceae	Ngọn non	Phòng ván
9	Rau dền gai	Dền gai	<i>Amaranthus spinosus</i> L.	Amaranthaceae	Toàn thân	Quan sát
10	Xoài rừng	Pay dinh	<i>Bouea oppositifolia</i> (Roxb.) Meisn	Anacardiaceae	Quả	Mẫu vật
11	Cóc rừng, cóc chua	Sa mun	<i>Spondias pinnata</i> (Koenig et L.f.) Kurz (S. mangifera Willd.)	Anacardiaceae	Quả, lá	Mẫu vật
12	Rau má	Rau má	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.	Apiaceae	Thân, lá, rễ	Quan sát
13	Dây giang	Khay ba	<i>Aganonerion polymorphum</i> Pierre Ex Spire	Apocynaceae	Lá, hoa	Mẫu vật
14	Gùi da	Se tô ja	<i>Guioa diplopeta</i> (Hassk.) Radlk.	Apocynaceae	Quả	Quan sát
15	Đu đủ rừng	Sơ lu hung	<i>Trevesia palmata</i> (Roxb.) Vis	Araliaceae	Quả	Quan sát
16	Rau nhái		<i>Cosmos caudatus</i> Kunth	Asteraceae	Quả	Phòng ván
17	Đơn buốt	Đơn buốt	<i>Bidens pilosa</i> L.	Asteraceae	Ngọn non	Quan sát
18	Cải trời	Cải	<i>Blumea lacera</i> L	Asteraceae	Lá non	Quan sát
19	Rau má tía, rau má lá rau muống	Rau má	<i>Emilia sonchifolia</i> (L.) DC. in Wight	Asteraceae	Thân, lá, rễ	Quan sát
20	Rau tàu bay	Rau tàu bay	<i>Gynura crepidioides</i> Benth	Asteraceae	Ngọn, lá non	Mẫu vật
21	Cúc mui	Cúc	<i>Tridax procumbens</i> L	Asteraceae	Quả	Quan sát
22	Đình lá bẹ	Đình	<i>Markhamia stipulata</i> var. <i>pierrei</i>	Bignoniaceae	Hoa, quả	Mẫu vật
23	Núc nác	Núc nác	<i>Oroxylon indicum</i> (L.) Vent.	Bignoniaceae	Quả	Mẫu vật
24	Cà ri	Cà ri	<i>Bixa orellana</i> L	Bixaceae	Lõi, hoa	Quan sát
25	Trám trắng	Trám	<i>Canarium album</i> (Lour.) Raeusch	Burseraceae	Quả	Mẫu vật
26	Trám hồng	Trám	<i>Canarium bengalense</i> Roxb.	Burseraceae	Quả	Mẫu vật
27	Thảo quyết minh		<i>Cassia tora</i> L	Caesalpiniaceae	Lá, rễ, hạt	Phòng ván
28	Muồng đen	Muồng	<i>Cassia siamea</i> Lam	Caesalpiniaceae	Ngọn, hoa	Mẫu vật
29	Cám	Pay khay	<i>Parinari annamensis</i> (Hance) J.E. Vidal	Chrysobalanaceae	Quả	Mẫu vật
30	Búra nam	Sên ran	<i>Garcinia cochinchinensis</i> (Lour.) Choisy	Clusiaceae	Lá, quả	Mẫu vật
31	Cút quạ		<i>Gymnopetalum cochinchinensis</i> (Lour.) Kurz.	Cucurbitaceae	Lá non	Mẫu vật
32	Mướp đắng rừng	Pờ lay la	<i>Momordica charantia</i> L	Cucurbitaceae	Quả, ngọn	Mẫu vật
33	Sổ	Pay nô	<i>Dillenia indica</i> L.	Dilleniaceae	Quả	Mẫu vật
34	Sổ ngũ thư	P lên no	<i>Dillenia pentagyna</i> Roxb.	Dilleniaceae	Quả	Mẫu vật

TT	Tên loài			Tên họ	Bộ phận sử dụng	Ghi chú
	Việt Nam	Tên Chơ Ro	Khoa học			
35	Dây chiều	Latiêng cuối	<i>Tetracera loureiri</i> Craib	Dilleniaceae	Rễ, thân	Mẫu vật
36	Mun	Thị	<i>Diospyros mun</i> A. Chev. cux Jecomte	Ebenaceae	Quả	Mẫu vật
37	Chòi mòi	Pê ka	<i>Antidesma ghaesembilla</i> Gaertn	Euphorbiaceae	Quả	Phòng vấn
38	Dâu da	Sơ en-kon	<i>Baccaurea ramiflora</i> Lour	Euphorbiaceae	Quả	Phòng vấn
39	Chùm ruột	Pay kun tua	<i>Phyllanthus acidus</i> (L.) Skeels	Euphorbiaceae	Quả	Mẫu vật
40	Sắn	Nồng	<i>Manihot esculenta</i> Crantz	Euphorbiaceae	Củ, lá	Quan sát
41	Vông nem	Lá vông	<i>Erythrina orientalis</i> Murr	Fabaceae	Lá non	Quan sát
42	Sắn dây rừng	Sắn dây	<i>Pueraria montana</i> (Lour.) Merr	Fabaceae	Củ, thân	Quan sát
43	Điền điền	Cạc bông	<i>Sesbania sesban</i> (Jacq.) W. Wight	Fabaceae	Hoa	Mẫu vật
44	Thành ngạnh đẹp	Thành ngạnh	<i>Cratoxylon formosum</i> (Jack) Dyer	Hypericaceae	Lá non, rễ	Mẫu vật
45	Cuồng vàng	Cum hu kho	<i>Ganocaryum lobbianum</i> (Miers) Kurz	Icacinaceae	Lá non	Mẫu vật
46	Lộc vừng	Sơ mi	<i>Barringtonia acutangula</i> (L.) Gaertn	Lecythidaceae	Lá	Mẫu vật
47	Chiếc chùm to	Sơ móc	<i>Barringtonia macrostachya</i> (Jack) Kurz	Lecythidaceae	Lá non	Phòng vấn
48	Bụp giấm	La nu	<i>Hibiscus subdariffa</i> L	Malvaceae	Lá, quả	Phòng vấn
49	Mua	Sơ pay tooc tang	<i>Melastoma normale</i> D. Don	Melastomataceae	Quả	Mẫu vật
50	Sấu tía	Pay tê	<i>Sandoricum koetjape</i> (Burm. f) Merr.	Meliaceae	Quả	Mẫu vật
51	Sương sâm	Sương sâm	<i>Tiliacora triandra</i> (Colebr.) Diels	Menispermaceae	Lá	Phòng vấn
52	Mít rừng	Pê tư	<i>Artocarpus rigidus</i> Subsp. asperulus (Gagnep.) Jarr	Moraceae	Quả	Quan sát
53	Dây vú bò	Cây vú bò	<i>Ficus heterophylla</i> L. f. var. <i>heterophylla</i>	Moraceae	Quả, lá	Quan sát
54	Sung bông	La wuy pay tơ le	<i>Ficus fistulosa</i> Reinw. ex Blume	Moraceae	Lá, quả	Mẫu vật
55	Sung	Sơ la quy	<i>Ficus racemosa</i> L.	Moraceae	Quả, lá	Mẫu vật
56	Dâu tằm	So sa	<i>Morus alba</i> L	Moraceae	Ngon, quả	Phòng vấn
57	Trứng cá	Sơ ti ca	<i>Muntingia calabura</i> L	Muntingiaceae	Quả	Quan sát
58	Sim	Sim	<i>Rhodomyrtus tomentosa</i> (Ait.) Hassk	Myrtaceae	Quả	Mẫu vật
59	Vối rừng	Trâm	<i>Syzygium cuminii</i> (L.) Skells	Myrtaceae	Lá	Mẫu vật
60	Mận rừng	Sơ câm ruồi	<i>Syzygium jambos</i> (L.) Alston	Myrtaceae	Quả, lá	Phòng vấn
61	Rau muống năm	Pai ja	<i>Ludwigia prostrata</i> Roxb.	Onagraceae	Ngon	Mẫu vật
62	Lạc tiên	Nhãn lỏng	<i>Passiflora foetida</i> L	Passifloraceae	Ngon, quả	Mẫu vật

TT	Tên loài			Tên họ	Bộ phận sử dụng	Ghi chú
	Việt Nam	Tên Chơ Ro	Khoa học			
63	Bánh lái, Rau tai voi	Tai voi	<i>Pentaphragma gamopetatum</i> Gagnep	Pentaphragmataceae	Lá non	Quan sát
64	Tiêu rừng	Tiêu	<i>Piper densum</i> Blume	Piperaceae	Quả	Phòng vấn
65	Lá lốt	Lá lóp	<i>Piper lolot</i> C.DC.	Piperaceae	Lá	Phòng vấn
66	Càng cua	Pai cơ tum	<i>Peperromia pellucida</i> (L.) H.B.K	Piperaceae	Thân, ngọn	Phòng vấn
67	Rau sam	Rau sam	<i>Portulaca oleracea</i> L	Portulacaceae	Thân, ngọn	Quan sát
68	Táo rừng	Xê pờ róc	<i>Rhamnus crenatus</i> Sieb	Rhamneceae	Quả	Mẫu vật
69	Bướm bạc biên hòa	Sơ la mắt	<i>Mussaenda hoensis</i> Pierre ex Pitard	Rubiaceae	Lá non	Phòng vấn
70	Dây mơ long	Lá mơ	<i>Paederia lanuginosa</i> Wall	Rubiaceae	Lá, ngọn	Mẫu vật
71	Bưởi bung		<i>Acronychia pedunculata</i> (L.) Miq	Rutaceae	Quả	Phòng vấn
72	Hồng bì		<i>Clausena lansium</i> (Lour.) Skeels	Rutaceae	Quả	Phòng vấn
73	Kim sương		<i>Micromelum minutum</i> (Forst. f.) Wight & Arn	Rutaceae	Quả	Mẫu vật
74	Chôm chôm rừng	Pê kon sum	<i>Arytera littoralis</i> Blume	Sapindaceae	Quả	Phòng vấn
75	Nhãn rừng	Pây tông sum	<i>Dimocarpus longan</i> Subsp. melasianus Leenh.	Sapindaceae	Quả	Mẫu vật
76	Trường vải	Pay la wo	<i>Nephelium melliferum</i> Gagnep	Sapindaceae	Quả	Mẫu vật
77	Trường quánh	Pay sơ man	<i>Xerospermum noronhianum</i> (Blume) Blume	Sapindaceae	Quả	Phòng vấn
78	Vú sữa	Vú sữa	<i>Chrysophyllum cainito</i> L.	Sapotaceae	Quả	Quan sát
79	Trái viết	Sén	<i>Manilkara kauki</i> (L.) Dubard	Sapotaceae	Quả	Mẫu vật
80	Bồ bồ	Bồ bồ	<i>Adenosma indiana</i> (Lour.) Merr	Scrophulariaceae	Toàn thân	Phòng vấn
81	Kơ nia	Cây	<i>Irvingia malayana</i> Oliv. Ex Benn	Simaroubaceae	Quả	Mẫu vật
82	Thù lù	Thù ðù	<i>Solanum nigrum</i> L	Solanaceae	Ngọn, quả	Quan sát
83	Ưoi	Sơ la dơ	<i>Scaphium macropodum</i> (Miq.) Beumée ex K. Heyne	Sterculiaceae	Hạt	Quan sát
84	Trôm	Sơ la-trôm	<i>Sterculia foetida</i> L	Sterculiaceae	Mù	Mẫu vật
85	Chè rừng	Chè con độc	<i>Camellia forrestii</i> (Diels) Cohen-Stuart	Theaceae	Lá	Mẫu vật
86	Rau đay	Rau đay	<i>Corchorus capsularis</i> L	Tiliaceae	Ngọn, lá non	Quan sát
87	Cò ke lá lôm	Cây xu	<i>Grewia paniculata</i> Roxb. Ex DC	Tiliaceae	Quả	Quan sát
88	Cò ke	Cây xu	<i>Grewia tomentosa</i> Roxb. Ex DC.	Tiliaceae	Quả	Mẫu vật
B Lóp Hành – Liliopsida						
89	Môn nước	Pai lư toóc	<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott	Araceae	Thân, củ	Mẫu vật
90	Thiên niên kiện lá lớn	Bum khoe	<i>Homalomena gigantea</i> Engl. & K. Krause	Araceae	Lá non	Phòng vấn

TT	Tên loài			Tên họ	Bộ phận sử dụng	Ghi chú
	Việt Nam	Tên Chơ Ro	Khoa học			
91	Chóc gai	Vuyn rá	<i>Lasia spinosa</i> (L.) Thwaites	Araceae	Ngọn	Mẫu vật
92	Cau rừng	Pay sơ pu	<i>Areca triandra</i> Roxb. ex Buch.-Ham	Arecaceae	Ngọn non	Phòng vấn
93	Mây cam bột	Re	<i>Calamus cambodiensis</i> Mecc.	Arecaceae	Ngọn	Quan sát
94	Mây cát	Siêng jai	<i>Calamus dioicus</i> Lour.	Arecaceae	Ngọn	Quan sát
95	Đùng đỉnh	Sơ siêng sung	<i>Caryota urens</i> L	Arecaceae	Ngọn	Phòng vấn
96	Mây rút	Siêng pluc	<i>Daemonorops jenkinsiana</i> (Griff.) Mart	Arecaceae	Ngọn	Phòng vấn
97	Mây tâm vòng	Se re sa pôm lach	<i>Korthalsia laciniosa</i> (Griff.) Mart.	Arecaceae	Ngọn	Quan sát
98	Mật cật	Siêng sa	<i>Licunala spinosa</i> Wurm	Arecaceae	Ngọn	Quan sát
99	Cọ	Cây kè	<i>Livistona saribus</i> (Lour.) Merr. ex Cheval.	Arecaceae	Ngọn, quả	Mẫu vật
100	Rau trai	Rau trai	<i>Commelina communis</i> L	Commelinaceae	Ngọn	Mẫu vật
101	Sâm cau	Prít num	<i>Peliosanthes teta</i> Andr.	Convallariaceae	Hoa	Mẫu vật
102	Mía dò	Cát lồi	<i>Costus speciosus</i> (Koenig.) Smith	Costaceae	Lá non	Mẫu vật
103	Hoài sơn	Se bôm chụp	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain & Burkill	Dioscoreaceae	Củ	Phòng vấn
104	Mây nước	Lê ja	<i>Flagellaria indica</i> L	Flagellariaceae	Ngọn, quả	Phòng vấn
105	Chuối rừng,	Pay ri	<i>Musa acuminata</i> Colla	Musaceae	Quả, hoa	Quan sát
106	Dừa rừng	Chít	<i>Pandanus tectorius</i> Sol	Pandanaceae	Quả, ngọn	Mẫu vật
107	Le	Sơ ple	<i>Bambusa agrestis</i> (Lour.) Poir	Poaceae	Toàn thân	Quan sát
108	Tre	Sơ cư la	<i>Bambusa bambos</i> (L.) Voss	Poaceae	Ngọn non	Quan sát
109	Lồ ô	Sơ tư nơ	<i>Bambusa procera</i> A. Chev. & A Cam.	Poaceae	Ngọn non	Phòng vấn
110	Riềng rừng	Chai jon	<i>Alpinia conchigera</i> Griff	Zingiberaceae	Củ, lá	Mẫu vật

Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận bổ sung 31 loài thực vật được cộng đồng Chơ Ro sử dụng làm thức ăn mới tại KVNC so với nghiên cứu của Trương Thị Bích Quân và cộng sự (2013) bao gồm các loài: Rau choại (Ngọn, lá), Ráng dại (Ngọn, thân) thuộc họ Dương xỉ; Thiên tuế (Ngọn non) thuộc họ Thông; Rau nhái (Quả), Đơn buốt (Ngọn non), Cúc mũi (Quả), Đỉnh lá bẹ (Hoa, quả non), Núc nác (Quả non), Cà ri (Lõi cây, hoa), Trám trắng (Quả), Trám hồng

(Quả), Thảo quyết minh (Lá non, rễ, hạt), Cứt quạ (Lá non), Mun (Quả), Sắn dây rừng (Củ, thân), Thành ngạnh đẹp (Lá non, rễ), Sim (Quả), Vối rừng (Lá), Rau tai voi (Lá non), Bưởi bung (Quả), Hồng bì (Quả), Kim sương (Quả), Viết (Quả), Bò bò (Toàn thân), Trường vải (Quả), Trường quánh (Quả), Rau dệu (Ngọn non), Cải trời (Lá non), Mây cam bột (đọt non), Sấu tía (Quả), Trôm (Mủ) thuộc ngành Ngọc lan.

3.2. Đa dạng về dạng sống của thực vật làm thức ăn

Dạng sống là kết quả thích nghi lâu dài của sinh vật với điều kiện môi trường sống. Việc phân tích dạng sống của thực vật giúp chúng ta định hướng trong việc gây trồng cũng như khai

thác và sử dụng chúng một cách hợp lý. Kết quả tư liệu hóa kinh nghiệm sử dụng dạng sống thực vật làm thức ăn của cộng đồng Chơ Ro tại KBT TN-VH Đồng Nai được thể hiện ở bảng 02.

Bảng 02. Đa dạng về dạng sống của thực vật làm thức ăn

TT	Dạng sống	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Gỗ lớn	21	19,09
2	Bụi	19	17,27
3	Gỗ nhỏ	14	12,73
4	Dây leo	11	10,00
5	Gỗ nhỏ	11	10,00
6	Thân cau	10	9,09
7	Thân bò	8	7,27
8	Thân thảo	8	7,27
9	Phụ sinh	3	2,73
10	Thân tre	3	2,73
11	Bụi trườn	2	1,82
Tổng		110	100

Nghiên cứu căn cứ theo tài liệu “Tên cây rừng Việt Nam (2000)” và kết quả điều tra hiện trường để phân chia dạng sống của thực vật ăn được tại KVNC. Kết quả đã ghi nhận được 11 dạng sống. Trong đó, cây gỗ lớn được cộng đồng sử dụng nhiều nhất với 21 loài chiếm 19,09%, nhóm này cộng đồng Chơ Ro chủ yếu sử dụng các bộ phận lá, vỏ, quả, ngọn non để làm thức ăn, đại diện gồm: Chôm chôm rừng (*Arytera littoralis* Blume), Xoài rừng (*Bouea oppositifolia* (Roxb.) Meisn), Sấu tía (*Sandoricum koetjape* (Burm. f) Merr.), Sỗ ngũ thư (*Dillenia pentagyna* Roxb.)... Dạng thân bụi có 19 loài chiếm 17,27% gồm Rau nhái (*Cosmos caudatus* Kunth), Rau tàu bay (*Gynura crepidioides* Benth), Bụp giấm (*Hibiscus subdariffa* L.), Thù lù (*Solanum nigrum* L.)... Dạng cây gỗ nhỏ có 14 loài chiếm 12,73% gồm các loài lấy quả, lá, hạt, củ như Cò ke lá lồm (*Grewia paniculata* Roxb. Ex DC), Cóc rừng (*Spondias pinnata* (Koenig et L.f.) Kurz (S. mangifera Willd.)), Mận rừng (*Syzygium jambos* (L.) Alston), Sung bông (*Ficus fistulosa* Reinw. ex Blume), Núc nác

(*Oroxylon indicum* (L.) Vent.), Bứa nam (*Garcinia cochinchinensis* (Lour.) Choisy), Ươi (*Scaphium macropodum* (Miq.) Beumée ex K. Heyne), Trôm hôi (*Sterculia foetida* L.)... Dây leo và gỗ nhỏ có cùng 11 loài chiếm 10% gồm Mướp đắng rừng (*Momordica charantia* L), Dây giang (*Aganonerion Polymorphum* Pierre Ex Spire), Lạc tiên (*Passiflora foetida* L), Tiêu rừng (*Piper densum* Blume)... Thân cau có 10 loài chiếm 9,09% chủ yếu lấy lá non và quả; dạng thân bò và thân thảo cùng có 8 loài chiếm 7,27% nhóm này lấy lá hoặc toàn thân; dạng phụ sinh và thân tre đều có 3 loài chiếm 2,73% các loài trong nhóm này lấy măng và đọt non; dạng thân bụi trườn thấp nhất với 2 loài chiếm 1,82%.

3.3. Đa dạng về bộ phận của thực vật được cộng đồng Chơ Ro sử dụng làm thức ăn

Kết quả nghiên cứu kinh nghiệm của cộng đồng Chơ Ro về sử dụng bộ phận của cây làm thức ăn đã ghi nhận được 9 nhóm bộ phận và được thể hiện ở bảng 03.

Dẫn liệu bảng 03 cho thấy, có 09 bộ phận của thực vật làm thức ăn được cộng đồng Chơ

Ro sử dụng. Bộ phận quả sử dụng nhiều nhất với 50 lượt loài chiếm 34,01%, đại diện gồm Dứa rừng (*Pandanus tectorius* Sol), Trám hồng (*Canarium bengalense* Roxb.), Cò ke (*Grewia tomentosa* Roxb. Ex DC.), Gù da (*Guioa diplopeta* (Hassk.) Radlk.)... tiếp đến là lá có 32 lượt loài chiếm 21,77%, như Lá bép (*Gnetum gnemon* L), Chiếc chùm to (*Barringtonia macrostachya* (Jack) Kurz), Rau tai voi (*Pentaphragma gamopetatum* Gagnep)... Ngọn có 31 lượt loài chiếm 21,09%, đại diện là Rau choại (*Stenochlaena palustris* (Burm. f.) Bedd.), Rau mương nằm (*Ludwigia prostrata* Roxb), Đứng đỉnh (*Caryota urens* L), Mây tầm vòng (*Korthalsia laciniosa* (Griff.) Mart.)... thân có 10 lượt loài

chiếm 6,80% đại diện như Bò bò (*Adenosma indiana* (Lour.) Merr), Rau sam (*Portulaca oleracea* L), Rau má lá rau muống (*Emilia sonchifolia* (L.) DC. in Wight)... Hoa có 09 lượt loài chiếm 6,12% gồm Muồng đen (*Cassia siamea* Lam), Điền điền (*Sesbania sesban* (Jacq.) W. Wight), Chuối rừng (*Musa acuminata* Colla)...; Hạt, rễ và cả cây có chung 4 lượt loài với cùng tỷ lệ 2,72% đại diện gồm Dây chiều (*Tetracera loureiri* Craib), Ươi (*Scaphium macropodum* (Miq.) Beumée ex K. Heyne)... Củ ít nhất với 3 lượt loài chiếm 2,04% đại diện gồm Môn nước (*Colocasia esculenta* (L.) Schott), Khoai mài (*Dioscorea persimilis* Prain & Burk), Sắn dây rừng (*Pueraria montana* (Lour.) Merr).

Bảng 03. Đa dạng bộ phận của thực vật làm thức ăn

TT	Bộ phận sử dụng	Số lượt loài	Tỷ lệ %
1	Quả	50	34,01
2	Lá	32	21,77
3	Ngọn	31	21,09
5	Thân	10	6,80
4	Hoa	9	6,12
6	Hạt	4	2,72
7	Rễ	4	2,72
8	Cả cây	4	2,72
9	Củ	3	2,04
Tổng		147	100

Chú thích: Tổng số lượt loài lớn hơn số loài thực tế do một loài có thể sử dụng được nhiều bộ phận khác nhau.

Nghiên cứu đã ghi nhận thêm một bộ phận mới của thực vật được cộng đồng nơi đây sử dụng làm thức ăn là bộ phận củ so với nghiên cứu của Trương Thị Bích Quân và cộng sự (2013), nâng số bộ phận của thực vật làm thức ăn theo kinh nghiệm của cộng đồng Chơ Ro là 9 bộ phận.

3.4. Đa dạng về tính chất sử dụng của thực vật làm thức ăn

Văn hóa ẩm thực của cộng đồng Chơ Ro được biết đến với sự đa dạng trong sử dụng thực vật để chế biến các món ăn truyền thống

đặc trưng và không thể thiếu trong các dịp lễ hội như canh bồi (Pai vich), canh thụt (Pai pru), com lam (Piêng đing), bánh dày (Pin pu)...

Căn cứ vào kết quả phỏng vấn người dân kết hợp với tài liệu Tài nguyên thực vật Việt Nam của Trần Minh Hợi và cộng sự (2013) chúng tôi tạm phân chia việc sử dụng các loài thực vật sử dụng làm thức ăn thành 6 nhóm. Trong đó, nhóm thực vật sử dụng nấu và làm rau với 60 loài chiếm tỷ lệ cao nhất (49,18%), nhóm trái cây có 44 loài (chiếm 36,7%), nhóm làm nước uống có 8 loài (chiếm 6,56%), muối

đưa có 4 loài (chiếm 3,28%), nhóm làm gia vị và cho tinh bột ít nhất với cùng 3 loài (chiếm 2,46%). Một số loài có thể chế biến thành nhiều nhóm thực phẩm khác nhau như Môn nước (*Colocasia esculent*), Măng, Hoài sơn (*Dioscorea persimilis*), Lá bép (*Gnetum gnemon var. Griffithii*), Thành ngạnh đẹp (*Cratoxylon formosum*), Rau dớn (*Diplazium esculentum*), Rau tàu bay (*Gynura crepidioides*)...

Nghiên cứu đã bổ sung thêm món bánh ú và củ nần được ghi nhận mới của cộng đồng Chợ Ro so với nghiên cứu của Trương Thị Bích Quân và cộng sự (2013). Trong đó món bánh ú với thành phần gồm Nếp dẻo ngâm với đậu qua đêm, sau đó sử dụng lá Mật cật gói lại, nấu trong soong ngập nước, thời gian nấu chín khoảng 3 - 4 giờ, bánh chín dùng chung với mật ong để ăn rất thơm; Món củ nần với nguyên liệu là củ nần ngâm với lá chua (lá me, lá bứa, lá giang), thời gian ngâm 5 - 6 ngày, rửa sạch cho hết chất độc, nhót, sau đó bỏ nước vào nấu (như nấu cơm). Lưu ý, đặc biệt củ này không làm kỹ ăn vào sẽ bị say, nếu ăn sống có thể bị ngộ độc.

Nghiên cứu này đã ghi nhận bổ sung một số cách chế biến món ăn mới được cộng đồng nơi đây sử dụng: Củ Hoài sơn (Củ mài) ngoài thái lát nấu canh với thịt cá, hầm sừng còn có thể ăn sống, nướng chín lên sau đó chấm với muối hoặc sữa đặc để ăn, cách khác là thái ra nấu cháo hoặc nấu chè; Đọt mây (Siêng) các loại ngoài nấu canh, lẩu còn nướng trên lửa khoảng 5 - 7 phút, sau đó bóc lấy phần non và chấm muối ớt để ăn với vị đắng của đọt mây và vị cay của ớt, tuy nhiên sau khi ăn vài phút lại có vị ngọt; Lá bép ngoài cách nấu canh thường thấy, còn ghi nhận thêm cách chế biến bằng cách nướng rất độc đáo, nhúng lá bép vào nước, vẩy nhẹ cho nước ráo, xếp chồng lá bép bằng một lớp lá chuối và buộc lại bằng dây sao cho vuông vức, mỗi bó lá bép vuông được kẹp

vào nếp tre nướng trên lửa hồng, mất khoảng 10 - 15 phút thì là bép được nướng chín, lá bép nước ăn bóc bằng tay, lá chín mềm có vị thanh mát.

IV. KẾT LUẬN

Thành phần loài thực vật được cộng đồng Chợ Ro tại KBT TN - VH Đồng Nai sử dụng làm thức ăn khá đa dạng và phong phú. Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận được 110 loài, 96 chi, 60 họ thuộc 3 ngành là Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, ghi nhận bổ sung 31 loài thực vật mới được cộng đồng nơi đây sử dụng làm thức ăn so với các nghiên cứu trước đây tại khu vực nghiên cứu.

11 dạng sống chính đã được xác định là gỗ lớn - 21 loài; thân bụi - 19 loài; gỗ nhỏ - 14 loài; dây leo và gỗ nhỏ cùng có 11 loài; thân cau - 10 loài; thân bò và thân thảo - 8 loài; phụ sinh và thân tre - 3 loài và thấp nhất là bụi trườn với 2 loài.

Có 9 bộ phận của thực vật đã được ghi nhận. Quả là bộ phận được sử dụng nhiều nhất với 50 lượt loài chiếm 34,01% và thấp nhất là củ với 3 loài chiếm 2,04%. Trong đó, bộ phận củ được ghi nhận là bộ phận mới của thực vật được cộng đồng nơi đây sử dụng làm thức ăn.

Sáu nhóm thực phẩm được cộng đồng Chợ Ro sử dụng làm thức ăn. Nấu canh và làm rau là nhóm có tỷ lệ chiếm nhiều nhất với 49,18% và thấp nhất là nhóm cho chất bột, gia vị có cùng tỷ lệ 2,46%. Nghiên cứu cũng đã ghi nhận bổ sung một số món ăn mới và một số cách chế biến món ăn mới được cộng đồng nơi đây sử dụng làm thức ăn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bản (1997). *Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
2. Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên) (2003 - 2005). *Danh lục các loài Thực vật Việt Nam*, tập 2 - 3. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Võ Văn Chi (Chủ biên), Trần Hợp (1999). *Thực vật có ích ở Việt Nam*. Nxb. Giáo dục, tập 1.

4. Phạm Hoàng Hộ (1999-2000). *Thực vật Việt Nam* (3 tập). Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Trần Đình Lý (1995). *1900 loài cây có ích*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
6. Nguyễn Nghĩa Thìn (1997). *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
7. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
8. Brummit, R. K., (1992). *Vascular plant families and genera*, Royal Botanic Gardens, Kiew. (Nguyễn Tiến Bân, Nguyễn Như Khang dịch). Nxb.

Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

9. Trương Thị Bích Quân và cộng sự (2013). *Ghi nhận về thực vật làm thực phẩm trong cộng đồng Cho Ro tại xã Phú Lý, Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đông Nai*. Báo cáo khoa học về sinh thái và tài nguyên sinh vật - Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ năm, Hà Nội, 18/10/2013. Nxb. Nông nghiệp.

10. https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9D%Ch%C6%A1_Ro

11. <https://sites.google.com/site/ethnicityinvietnam/coro-people---nguoichoro/dong-nai>

PLANTS COMPOSITION USED IN TRADITIONAL FOOD BY CHO RO COMMUNITY IN DONG NAI CULTURE AND NATURE RESERVE, DONG NAI PROVINCE

Nguyen Van Hop

Vietnam National University of Forestry - Southern Campus

SUMMARY

This article presents the results of the research the plant composition used in traditional food by Cho Ro community in Van hoa - Dong Nai nature reserve. By interviewing methods combined with field surveys with the guidance of those who have experience in gathering, using plants for food. Accordingly, at first, We have indentified 110 species, 96 genera, 60 families of Polypodiophyta, Pinophyta and Magnoliophyta. There are 11 life - forms with the same percentage recored. The results of the research also recorded 10 parts of edible plant species. Fruit is the most popular part with 50 species, accounting for 34.01%; the next is the leaf section with 32 species, accounting for 21.77% and the least is tubers with 3 species, accounting for 2.04%. There are 6 groups used by local people for food. In particular, the research has documented the addition of 31 plant species for new food, a new component of tubers and some new ways of processing and enjoying the food used by the Cho Ro community. The research results are significant “cultural-ecological” materials to open further research directions on the value of indigenous knowledge of Cho Ro community.

Keywords: Cho Ro community, composition species, experience, food plants.

Ngày nhận bài : 10/5/2017

Ngày phản biện : 23/7/2017

Ngày quyết định đăng : 28/7/2017